

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-33
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-33

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Trọng Tuấn	Chủ tịch	
Bà Phan Đỗ Hạnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Mai Thanh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm 25/04/2025
Bà Dương Thị Thanh Tâm	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông La Hoài Nam	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Chu Thị Phương Anh	Trưởng ban
Ông Lê Văn Tới	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Hằng	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông La Hoài Nam - Tổng Giám đốc công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



La Hoài Nam
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu được lập ngày 13 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		358.172.142.180	294.219.098.541
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.202.925.373	16.906.377.798
111	1. Tiền		9.202.925.373	15.906.377.798
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	105.300.000.000	85.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		105.300.000.000	85.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		134.815.699.170	129.503.587.107
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	61.955.902.412	65.496.808.725
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	9.337.940.385	3.933.045.991
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	68.178.104.109	64.940.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.401.459.223	643.291.977
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.057.706.959)	(5.509.559.586)
140	IV. Hàng tồn kho	10	97.679.116.352	61.637.465.146
141	1. Hàng tồn kho		97.679.116.352	61.637.465.146
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.174.401.285	1.171.668.490
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	9.965.157.674	1.110.059.023
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		508.971.999	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	700.271.612	61.609.467
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		19.568.680.162	23.476.402.417
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.250.000	5.250.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	5.250.000	5.250.000
220	II. Tài sản cố định		13.011.139.735	17.047.423.327
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	13.011.139.735	17.047.423.327
222	- Nguyên giá		363.222.090.570	362.859.508.752
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(350.210.950.835)	(345.812.085.425)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.972.000.000	1.972.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.972.000.000	1.972.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.580.290.427	4.451.729.090
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.580.290.427	4.451.729.090
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		377.740.822.342	317.695.500.958

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		102.230.489.164	40.982.223.894
310	I. Nợ ngắn hạn		102.230.489.164	40.982.223.894
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	21.964.359.478	16.025.364.090
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		876.676.159	275.540.370
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	10.756.803.495	5.737.038.589
314	4. Phải trả người lao động		5.302.996.350	8.454.656.357
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.735.864.688	733.439.958
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	9.412.337.761	9.152.140.361
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	47.192.140.212	-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.989.311.021	604.044.169
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		275.510.333.178	276.713.277.064
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	275.510.333.178	276.713.277.064
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		180.810.530.000	180.810.530.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		180.810.530.000	180.810.530.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		508.431.449	508.431.449
415	3. Cổ phiếu quỹ		(317.124.000)	(317.124.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		67.080.335.727	65.574.633.259
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		27.428.160.002	30.136.806.356
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		25.619.698.952	22.757.000
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		1.808.461.050	30.114.049.356
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>377.740.822.342</u>	<u>317.695.500.958</u>

Đào Thị Mơ
Người lậpĐào Thị Mơ
Kế toán trưởngLa Hoài Nam
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	190.117.751.801	243.283.951.811
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		345.602.100	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		189.772.149.701	243.283.951.811
11	4. Giá vốn hàng bán	21	173.666.933.958	212.216.285.702
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.105.215.743	31.067.666.109
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	7.085.571.140	1.042.959.752
22	7. Chi phí tài chính	23	1.078.145.248	734.817.612
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		317.607.762	245.749.233
25	8. Chi phí bán hàng	24	6.171.671.739	7.790.644.546
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	13.643.552.515	7.324.380.842
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.297.417.381	16.260.782.861
31	11. Thu nhập khác		95.703.863	280.410.877
32	12. Chi phí khác		30.469.932	235.286.790
40	13. Lợi nhuận khác		65.233.931	45.124.087
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.362.651.312	16.305.906.948
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	554.190.262	3.292.079.895
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.808.461.050	13.013.827.053
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	100	720

Đào Thị Mơ
Người lậpĐào Thị Mơ
Kế toán trưởngLa Hoài Nam
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.362.651.312	16.305.906.948
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.398.865.410	5.212.813.760
03	- Các khoản dự phòng		1.548.147.373	(523.263.568)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		16.335.236	(157.348.473)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.028.781.369)	(764.825.146)
06	- Chi phí lãi vay		317.607.762	245.749.233
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.614.825.724	20.319.032.754
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.376.645.979)	(9.568.499.550)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(36.041.651.206)	27.757.323.344
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		14.971.222.422	9.855.816.797
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(8.983.659.988)	865.959.830
14	- Tiền lãi vay đã trả		(283.718.185)	(536.851.122)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.904.779.291)	(1.529.429.995)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(626.138.084)	(524.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(36.630.544.587)	46.639.352.058
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(362.581.818)	(1.569.840.160)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(105.300.000.000)	(47.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		85.000.000.000	25.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.397.533.768	860.476.112
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(18.265.048.050)	(22.709.364.048)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		47.192.140.212	5.764.790.764
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(33.923.865.678)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		47.192.140.212	(28.159.074.914)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(7.703.452.425)	(4.229.086.904)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		16.906.377.798	11.160.504.865
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	9.202.925.373	6.931.417.961


Đào Thị Mơ
Người lập
Đào Thị Mơ
Kế toán trưởng
La Hoài Nam
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 180.810.530.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 180.810.530.000 VND; tương đương 18.081.053 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 276 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 264 người).

Lĩnh vực kinh doanh

In và sản xuất bao bì bằng kim loại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ);
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá;
- Kinh doanh thương mại nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Tổng giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 tháng đến 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 tháng đến 36 tháng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí hoa hồng bán hàng, chi phí lương tháng 13 và các chi phí phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là các khoản hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.202.925.373	15.906.377.798
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
	<u>9.202.925.373</u>	<u>16.906.377.798</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	105.300.000.000	-	85.000.000.000	-
	105.300.000.000	-	85.000.000.000	-

Tại ngày 30/06/2025, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 6 tháng với lãi suất 5,6% đến 5,8%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả (VGP) (*)	1.972.000.000	2.026.646.400	-	1.972.000.000	2.133.312.000	-
	1.972.000.000	2.026.646.400	-	1.972.000.000	2.133.312.000	-

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên HNX tại ngày 31/12/2024 và 30/06/2025.

Thông tin về khoản góp vốn vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả (VGP)	Tp. Hồ Chí Minh	0,81%	0,81%	Khai thác, kinh doanh cảng, kho bãi

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Đồ hộp Blue Sea	11.185.722.434	(5.125.165.311)	11.185.722.434	(3.834.252.805)
- Công ty Cổ phần Thương mại KG	7.075.744.962	-	6.779.128.094	-
- Công ty CP Đồ hộp TP	9.911.485.287	-	6.164.679.290	-
- Phải thu khách hàng khác	33.782.949.729	(1.932.541.648)	41.367.278.907	(1.675.306.781)
	61.955.902.412	(7.057.706.959)	65.496.808.725	(5.509.559.586)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
BAOSTEEL SINGAPORE PTE. LTD	7.443.018.705	-	160.110.720	-
JIANGSU SUXUN NEW MATERIAL CO.,LTD	-	-	2.487.154.525	-
Trả trước cho người bán khác	1.894.921.680	-	1.285.780.746	-
	9.337.940.385	-	3.933.045.991	-

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>						
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Quận Lương	64.940.000.000	-	3.238.104.109	-	68.178.104.109	-
	<u>64.940.000.000</u>	<u>-</u>	<u>3.238.104.109</u>	<u>-</u>	<u>68.178.104.109</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay vốn số 2006/HĐVV/MCP-QL ngày 20/06/2025 và Hợp đồng vay vốn số 2506/HĐVV/MCP-QL ngày 25/06/2025 giữa Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Quận Lương, với các điều khoản chi tiết sau:

- Tổng số tiền cho vay: 68.178.104.109 VND;
- Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Lãi suất cho vay: 10%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 68.178.104.109 VND;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.393.143.492	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	9.332.266	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	9.268.433	-
Tạm ứng	33.497.240	-	15.536.455	-
Phải thu khác	974.818.491	-	609.154.823	-
	2.401.459.223	-	643.291.977	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	5.250.000	-	5.250.000	-
	5.250.000	-	5.250.000	-

9 . NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Thực phẩm Gia Đình An Co	278.296.120	83.488.836	418.296.120	153.488.836
- Công ty CP Đồ hộp Blue Sea	11.185.722.434	6.060.557.123	9.276.177.962	5.441.925.157
- Các khoản khác	3.965.082.519	2.227.348.156	3.697.055.034	2.286.555.537
	15.429.101.073	8.371.394.114	13.391.529.116	7.881.969.530

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	14.514.888.493	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	60.954.760.434	-	44.224.244.175	-
Công cụ, dụng cụ	2.417.839.194	-	2.059.006.091	-
Thành phẩm	19.791.628.231	-	15.354.214.880	-
	97.679.116.352	-	61.637.465.146	-

Trong đó:

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 97.679.116.352 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	10.667.980.186	343.245.742.078	7.435.141.700	863.213.045	647.431.743	362.859.508.752
- Mua trong kỳ	-	250.000.000	-	112.581.818	-	362.581.818
Số dư cuối kỳ	10.667.980.186	343.495.742.078	7.435.141.700	975.794.863	647.431.743	363.222.090.570
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	10.156.242.810	328.568.519.907	5.954.221.469	812.232.001	320.869.238	345.812.085.425
- Khấu hao trong kỳ	53.843.178	4.151.864.728	151.776.036	17.631.470	23.749.998	4.398.865.410
Số dư cuối kỳ	10.210.085.988	332.720.384.635	6.105.997.505	829.863.471	344.619.236	350.210.950.835
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	511.737.376	14.677.222.171	1.480.920.231	50.981.044	326.562.505	17.047.423.327
Tại ngày cuối kỳ	457.894.198	10.775.357.443	1.329.144.195	145.931.392	302.812.507	13.011.139.735

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 337.910.188.722 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất	7.885.429.410	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	469.718.293	626.720.715
Chi phí bảo hiểm	312.026.566	307.276.812
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.297.983.405	176.061.496
	9.965.157.674	1.110.059.023
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.442.466.261	3.767.788.408
Chi phí sửa chữa lớn nhà xưởng	133.154.166	666.094.558
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.670.000	17.846.124
	4.580.290.427	4.451.729.090

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Easy Open Lid Industry Corp Yiwu	7.831.957.850	7.831.957.850	-	-
HENKEL SINGAPORE PTE. LTD	369.776.520	369.776.520	3.786.106.298	3.786.106.298
CÔNG TY TNHH CANCOAT	1.633.775.000	1.633.775.000	1.794.146.086	1.794.146.086
Công ty TNHH GCM Packaging (Vietnam)	431.635.032	431.635.032	2.269.609.346	2.269.609.346
AUSTIN MULTI-TRADE	4.832.944.440	4.832.944.440	-	-
Đối tượng khác	6.864.270.636	6.864.270.636	8.175.502.360	8.175.502.360
	21.964.359.478	21.964.359.478	16.025.364.090	16.025.364.090

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.631.315.153	14.943.544.282	14.323.926.748	-	2.250.932.687
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	381.093.628	1.050.013.876	668.920.248	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.904.779.291	554.190.262	3.904.779.291	-	554.190.262
Thuế Thu nhập cá nhân	58.609.467	200.944.145	649.375.449	803.606.515	31.351.364	19.454.976
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	15.770.858.820	7.838.633.250	-	7.932.225.570
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-
	61.609.467	5.737.038.589	32.302.062.441	27.920.959.680	700.271.612	10.756.803.495

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	33.889.577	-
- Trích trước chi phí hoa hồng bán hàng	875.490.485	733.439.958
- Trích trước lương tháng 13	2.571.254.880	-
- Chi phí phải trả khác	255.229.746	-
	3.735.864.688	733.439.958

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	767.772.945	726.560.350
- Kinh phí công đoàn	630.647.378	512.152.684
- Bảo hiểm xã hội	485.021.389	-
- Bảo hiểm y tế	76.230.321	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	38.961.078	167.706
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.667.459.395	7.448.293.795
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	746.245.255	464.965.826
	9.412.337.761	9.152.140.361

17 . VAY NGẮN HẠN

		01/01/2025	Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh	-	-	47.192.140.212	-	47.192.140.212	47.192.140.212
	-	-	47.192.140.212	-	47.192.140.212	47.192.140.212

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2024/94178/HĐTD ngày 19/09/2024 giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cho vay: 150.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không quá 31/08/2025
- + Lãi suất cho vay: được xác định trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 47.192.140.212 VND;
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: Toàn bộ hàng tồn kho và các khoản phải thu hình thành từ vốn vay BIDV, được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp, bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.



18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	64.948.203.442	17.441.963.130	248.343.424.021
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	13.013.827.053	13.013.827.053
Phân phối lợi nhuận	-	15.071.337.000	-	626.429.817	(17.441.963.130)	(1.744.196.313)
Số dư cuối kỳ trước	150.713.370.000	30.628.348.449	(317.124.000)	65.574.633.259	13.013.827.053	259.613.054.761
Số dư đầu năm nay	180.810.530.000	508.431.449	(317.124.000)	65.574.633.259	30.136.806.356	276.713.277.064
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	1.808.461.050	1.808.461.050
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.505.702.468	(4.517.107.404)	(3.011.404.936)
Số dư cuối kỳ này	180.810.530.000	508.431.449	(317.124.000)	67.080.335.727	27.428.160.002	275.510.333.178

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 147/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế đến 31/12/2024	100,00	30.136.806.356
Trích Quỹ đầu tư phát triển (đã thực hiện)	5,00	1.505.702.468
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (đã thực hiện)	9,99	3.011.404.936
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt (tỉ lệ 4% vốn điều lệ) (**)	24,00	7.232.421.200
Chi cổ tức bằng cổ phiếu (Tỷ lệ 10% vốn điều lệ) (**)	60,00	18.081.053.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1,02	306.224.752

(**) Xem chi tiết tại Thuyết minh 30

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ %	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND
Công ty CP Hòn Ngọc Á Châu	4,58	8.280.000.000	4,58	8.280.000.000
Ông Trần Quang Huy	24,59	44.453.352.000	24,59	44.453.352.000
Bà Phan Đỗ Hạnh	13,99	25.296.000.000	13,99	25.296.000.000
Công ty TNHH Đầu tư tài sản Việt Leader	20,24	36.600.000.000	20,24	36.600.000.000
Các cổ đông khác	36,50	65.993.958.000	36,50	65.993.958.000
Cổ phiếu quỹ	0,10	187.220.000	0,10	187.220.000
	100	180.810.530.000	100	180.810.530.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>180.810.530.000</i>	<i>150.713.370.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>180.810.530.000</i>	<i>150.713.370.000</i>

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.081.053	18.081.053
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	18.081.053	18.081.053
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.081.053</i>	<i>18.081.053</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	18.722	18.722
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.722</i>	<i>18.722</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.062.331	18.062.331
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.062.331</i>	<i>18.062.331</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	67.080.335.727	65.574.633.259
	67.080.335.727	65.574.633.259

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê đất tại số 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Diện tích khu đất thuê là 33.410 m². Theo đó Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo tiền thuê đất của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

b) Ngoại tệ các loại	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	213,91	4.868,80
c) Nợ khó đòi đã xử lý	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất nhập khẩu Kiên Giang	233.874.352	233.874.352
Công ty TNHH Bao bì Sammiguél Yamamura	330.870.543	330.870.543
Các đối tượng khác	82.355.452	82.355.452
20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
	<u>2025</u>	<u>2024</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	150.285.127.818	205.490.816.046
Doanh thu bán hàng	21.306.054.839	11.158.213.825
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.793.778.997	14.449.302.705
Doanh thu khác	8.732.790.147	12.185.619.235
	<u>190.117.751.801</u>	<u>243.283.951.811</u>
21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
	<u>2025</u>	<u>2024</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	134.717.547.101	174.521.666.588
Giá vốn của hàng hóa đã bán	18.309.963.167	9.480.526.261
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.088.774.263	16.185.010.773
Giá vốn khác	8.550.649.427	12.029.082.080
	<u>173.666.933.958</u>	<u>212.216.285.702</u>
22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
	<u>2025</u>	<u>2024</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.028.781.369	764.825.146
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	56.789.771	120.786.133
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	157.348.473
	<u>7.085.571.140</u>	<u>1.042.959.752</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	317.607.762	245.749.233
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	744.202.250	489.068.379
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	16.335.236	-
	1.078.145.248	734.817.612

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.532.167.298	2.048.686.275
Chi phí nhân công	1.431.924.541	1.666.070.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.945.118	62.945.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.327.043.027	1.513.313.931
Chi phí khác bằng tiền	1.817.591.755	2.499.629.098
	6.171.671.739	7.790.644.546

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	504.696.455	322.217.930
Chi phí nhân công	6.615.425.843	4.495.917.707
Chi phí khấu hao tài sản cố định	179.638.256	177.647.155
Thuế, phí, lệ phí	1.617.522.816	1.062.559.402
Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	1.548.147.373	(523.263.568)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.678.585.550	1.623.983.540
Chi phí khác bằng tiền	499.536.222	165.318.676
	13.643.552.515	7.324.380.842

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.362.651.312	16.305.906.948
Các khoản điều chỉnh tăng	408.300.000	275.278.661
- Chi phí không hợp lệ	408.300.000	275.278.661
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(120.786.133)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	(120.786.133)
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.770.951.312	16.460.399.476
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	554.190.262	3.292.079.895
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	3.904.779.291	1.529.429.995
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(3.904.779.291)	(1.529.429.995)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	554.190.262	3.292.079.895

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.808.461.050	13.013.827.053
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.808.461.050	13.013.827.053
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	18.062.331	18.062.331
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	100	720

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	122.249.977.252	159.540.374.616
Chi phí nhân công	29.693.488.385	29.555.350.203
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.398.865.410	5.212.813.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.787.080.288	18.892.503.285
Chi phí khác bằng tiền	3.932.049.688	3.727.507.176
	178.061.461.023	216.928.549.040

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Đầu tư dài hạn	-	2.026.646.400	-	2.026.646.400
	-	2.026.646.400	-	2.026.646.400
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư dài hạn	-	2.133.312.000	-	2.133.312.000
	-	2.133.312.000	-	2.133.312.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.202.925.373	-	-	9.202.925.373
Phải thu khách hàng, phải thu khác	57.299.654.676	5.250.000	-	57.304.904.676
Các khoản cho vay	173.478.104.109	-	-	173.478.104.109
	239.980.684.158	5.250.000	-	239.985.934.158
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	16.906.377.798	-	-	16.906.377.798
Phải thu khách hàng, phải thu khác	60.630.541.116	5.250.000	-	60.635.791.116
Các khoản cho vay	149.940.000.000	-	-	149.940.000.000
	227.476.918.914	5.250.000	-	227.482.168.914

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	47.192.140.212	-	-	47.192.140.212
Phải trả người bán, phải trả khác	31.376.697.239	-	-	31.376.697.239
Chi phí phải trả	3.735.864.688	-	-	3.735.864.688
	82.304.702.139	-	-	82.304.702.139
Tại ngày 01/01/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	25.177.504.451	-	-	25.177.504.451
Chi phí phải trả	733.439.958	-	-	733.439.958
	25.910.944.409	-	-	25.910.944.409

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

1) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 147/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 26/2025/NQ-HĐQT ngày 18/7/2025, Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Cụ thể như sau

- Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của Công ty căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật;
- Ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền: 31/07/2025;
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 18.062.330.000 VND; Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.806.233 cổ phiếu;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:10. Theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu, cứ 100 quyền sẽ được nhận 10 cổ phiếu mới phát hành để trả cổ tức.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2024. Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền.

2) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 147/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 26/2025/NQ-HĐQT ngày 18/7/2025, Công ty thực hiện trả cổ tức năm 2024 bằng tiền. Cụ thể như sau:

- Ngày đăng ký cuối cùng: 31/07/2025;
- Tỷ lệ thực hiện: 4%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 400 đồng);
- Ngày thanh toán: Ngày 20/10/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

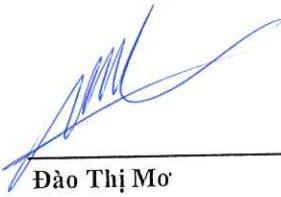
31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

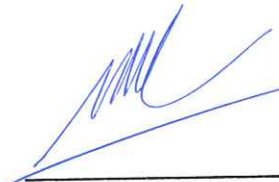
Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty như sau:

	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		1.681.290.416	459.224.263
Ông Vũ Trọng Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/11/2024)	557.751.538	-
Bà Phạm Thị Thuý Phương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)	-	30.000.000
Bà Phan Đỗ Hạnh	Thành viên HĐQT	52.500.000	20.000.000
Bà Nguyễn Mai Thanh	Thành viên độc lập HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/04/2025)	21.923.077	-
Bà Triệu Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)	-	20.000.000
Bà Dương Thị Thanh Tâm	Thành viên độc lập HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/04/2025)	30.576.923	-
Ông La Hoài Nam	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 25/11/2024)	1.018.538.878	-
Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23/08/2024)	-	389.224.263
Thù lao của Ban kiểm soát		198.007.913	32.500.000
Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.			

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.


 Đào Thị Mơ
 Người lập


 Đào Thị Mơ
 Kế toán trưởng


 La Hoài Nam
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

(reviewed)

CONTENTS

	Pages
Report of The Board of Management	02-03
Review report on Interim Financial Information	04-05
Reviewed Interim Financial Statements	06-33
Interim Statement of Financial position	06-07
Interim Statement of Income	08
Interim Statement of Cash flows	09-10
Notes To Interim Financial Statements	11-33

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of My Chau Printing & Packaging Holdings Company (“the Company”) presents its report and the Company’s Interim Financial Statements for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025.

THE COMPANY

My Chau Printing & Packaging Holdings Company is an enterprise equitized from My Chau Food Export Factory under Decision No. 207/1998/QĐ/BNN-TCCB dated 10 December 1998 of the Minister of Agriculture and Rural Development. The company operates under the Certificate of Business Registration of a joint stock company with enterprise code No. 0301671386, firstly registered on 5 March 1999 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City, registered for the 14th change on 16 January 2025.

The Company’s head office is located at: 18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City.

BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF SUPERVISION

The members of The Board of Directors during the fiscal period and to the reporting date are:

Mr. Vu Trong Tuan	Chairman
Mrs. Phan Do Hanh	Vice Chairman
Mrs. Nguyen Mai Thanh	Independent Member
Mrs. Duong Thi Thanh Tam	Independent Member

The members of The Board of Management during the fiscal period and to the reporting date are:

Mr. La Hoai Nam	General Director
-----------------	------------------

The members of the Board of Supervision are:

Mrs. Chu Thi Phuong Anh	Head of Control Department
Mr. Le Van Toi	Member
Mrs. Le Thi Thanh Hang	Member

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and until the preparation of this Financial Statement is Mr. La Hoai Nam - General Director.

AUDITORS

The auditors of the AASC Auditing Firm Company Limited have taken the the audit of Interim Financial Statements for the Company.

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT' RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

The Board of Management is responsible for the Interim Financial Statements of each financial year which give a true and fair view of the financial position of the Company; its operating results and its cash flows for the year period. In preparing those Interim Financial Statements, The Board of Management is required to:

- Establish and maintain an internal control system which is determined necessary by The Board of Management and Board of Directors to ensure the preparation and presentation of Interim Financial Statements do not contain any material misstatement caused by errors or frauds;
- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the Interim Financial Statements;
- Prepare the Interim Financial Statements on the basis of compliance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Interim Financial Statements;
- Prepare the Interim Financial Statements on going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that accounting records are kept to reflect the financial position of the Company, with reasonable accuracy at anytime and to ensure that the Interim Financial Statements comply with the current State's regulations. It is responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Interim Financial Statements give a true and fair view of the financial position at 30 June 2025, its operation results and cash flows for the period from 01 January 2025 to 30 June 2025 of the Company in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the Interim Financial Statements.

Other commitments

The Board of Directors pledges that the Company complies with Decree No.155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 on detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Securities and the Company does not violate the obligations of information disclosure in accordance with the regulations of the Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 issued by the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on Securities Market.

On behalf of The Board of Management



La Hoai Nam
General Director

Ho Chi Minh City, 13 August 2025

REVIEW REPORT ON INTERIM FINANCIAL INFORMATION

To: **Shareholders, Board of Directors and Board of Management**
My Chau Printing & Packaging Holdings Company

We have reviewed the interim Financial Statements of My Chau Printing & Packaging Holdings Company prepared on 13 August 2025, from page 06 to page 33 including: Interim Statement of Financial position as at 30 June 2025, Interim Statement of Income, Interim Statement of Cash flows for the six-month period then ended and Notes To Interim Financial Statements.

The Board of Management' responsibility

The Board of Management is responsible for the preparation of Interim Financial Statements that give a true and fair view in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Interim Financial Statements and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation of Interim Financial Statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's responsibility

Our responsibility is to express a conclusion on these Interim Financial Statements based on our review. We conducted our review in accordance with Vietnamese Standard on Review Engagements 2410, Review of Interim Financial Information Performed by the Independent Auditor of the Entity.

A review of Interim Financial Information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with Vietnamese Standards on Auditing and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.

Auditor's Conclusion

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying Interim Financial Statements does not give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of My Chau Printing & Packaging Holdings Company as at 30 June 2025, and of its financial performance and its cash flows for the six-month period then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of interim financial statements.

AASC Auditing Firm Company Limited



Nguyen Tuan Anh

Audit Director

Certificate of registration to audit practice

No: 1369-2023-002-1

Hanoi, 13 August 2025

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



MEMBER OF THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

INTERIM STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 30 June 2025

Code	ASSETS	Note	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. SHORT-TERM ASSETS		358,172,142,180	294,219,098,541
110	I. Cash and cash equivalents	3	9,202,925,373	16,906,377,798
111	1. Cash		9,202,925,373	15,906,377,798
112	2. Cash equivalents		-	1,000,000,000
120	II. Short-term investments	4	105,300,000,000	85,000,000,000
123	1. Held to maturity investments		105,300,000,000	85,000,000,000
130	III. Short-term receivables		134,815,699,170	129,503,587,107
131	1. Short-term trade receivables	5	61,955,902,412	65,496,808,725
132	2. Short-term prepayments to suppliers	6	9,337,940,385	3,933,045,991
135	3. Short-term loan receivables	7	68,178,104,109	64,940,000,000
136	4. Other short-term receivables	8	2,401,459,223	643,291,977
137	5. Provision for short-term doubtful debts		(7,057,706,959)	(5,509,559,586)
140	IV. Inventories	10	97,679,116,352	61,637,465,146
141	1. Inventories		97,679,116,352	61,637,465,146
150	V. Other short-term assets		11,174,401,285	1,171,668,490
151	1. Short-term prepaid expenses	12	9,965,157,674	1,110,059,023
152	2. Deductible VAT		508,971,999	-
153	3. Taxes and other receivables from State budget	14	700,271,612	61,609,467
200	B. NON-CURRENT ASSETS		19,568,680,162	23,476,402,417
210	I. Long-term receivables		5,250,000	5,250,000
216	1. Other long-term receivables	8	5,250,000	5,250,000
220	II. Fixed assets		13,011,139,735	17,047,423,327
221	1. Tangible fixed assets	11	13,011,139,735	17,047,423,327
222	- <i>Historical costs</i>		363,222,090,570	362,859,508,752
223	- <i>Accumulated depreciation</i>		(350,210,950,835)	(345,812,085,425)
250	V. Long-term investments	4	1,972,000,000	1,972,000,000
253	1. Equity investments in other entities		1,972,000,000	1,972,000,000
260	VI. Other long-term assets		4,580,290,427	4,451,729,090
261	1. Long-term prepaid expenses	12	4,580,290,427	4,451,729,090
270	TOTAL ASSETS		377,740,822,342	317,695,500,958

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

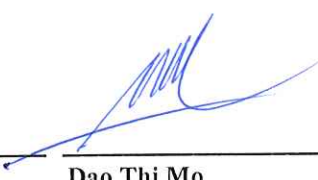
INTERIM STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 30 June 2025

(continue)

Code	CAPITAL	Note	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. LIABILITIES		102,230,489,164	40,982,223,894
310	I. Current liabilities		102,230,489,164	40,982,223,894
311	1. Short-term trade payables	13	21,964,359,478	16,025,364,090
312	2. Short-term prepayments from customers		876,676,159	275,540,370
313	3. Taxes and other payables to State budget	14	10,756,803,495	5,737,038,589
314	4. Payables to employees		5,302,996,350	8,454,656,357
315	5. Short-term accrued expenses	15	3,735,864,688	733,439,958
319	6. Other short-term payments	15	9,412,337,761	9,152,140,361
320	7. Short-term borrowings and finance lease liabilities	16	47,192,140,212	-
322	8. Bonus and welfare fund		2,989,311,021	604,044,169
400	D. OWNER'S EQUITY		275,510,333,178	276,713,277,064
410	I. Owner's equity	17	275,510,333,178	276,713,277,064
411	1. Contributed capital		180,810,530,000	180,810,530,000
411a	Ordinary shares with voting rights		180,810,530,000	180,810,530,000
412	2. Share Premium		508,431,449	508,431,449
415	3. Treasury shares		(317,124,000)	(317,124,000)
418	4. Development investment funds		67,080,335,727	65,574,633,259
421	5. Retained earnings		27,428,160,002	30,136,806,356
421a	Retained earnings accumulated till the end of the previous year		25,619,698,952	22,757,000
421b	Retained earnings of the current year		1,808,461,050	30,114,049,356
440	TOTAL CAPITAL		377,740,822,342	317,695,500,958


Dao Thi Mo
Preparer


Dao Thi Mo
Chief Accountant


La Hoai Nam
General Director



Ho Chi Minh City, 13 August 2025

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

INTERIM STATEMENT OF INCOME

The first 6 months of 2025

Code	ITEM	Note	The first 6 months of 2025 VND	The first 6 months of 2024 VND
01	1. Revenue from sales of goods and rendering of services	19	190,117,751,801	243,283,951,811
02	2. Revenue deductions		345,602,100	-
10	3. Net revenue from sales of goods and rendering of services		189,772,149,701	243,283,951,811
11	4. Cost of goods sold	20	173,666,933,958	212,216,285,702
20	5. Gross profit from sales of goods and rendering of services		16,105,215,743	31,067,666,109
21	6. Financial income	21	7,085,571,140	1,042,959,752
22	7. Financial expense	22	1,078,145,248	734,817,612
23	In which: Interest expenses		317,607,762	245,749,233
25	8. Selling expenses	23	6,171,671,739	7,790,644,546
26	9. General and administrative expense	24	13,643,552,515	7,324,380,842
30	10. Net profit from operating activities		2,297,417,381	16,260,782,861
31	11. Other income		95,703,863	280,410,877
32	12. Other expense		30,469,932	235,286,790
40	13. Other profit		65,233,931	45,124,087
50	14. Total net profit before tax		2,362,651,312	16,305,906,948
51	15. Current corporate income tax expenses	25	554,190,262	3,292,079,895
60	17. Profit after corporate income tax		<u>1,808,461,050</u>	<u>13,013,827,053</u>
70	18. Basic earnings per share	26	<u>100</u>	<u>720</u>

Dao Thi Mo
Preparer

Dao Thi Mo
Chief Accountant

La Hoai Nam
General Director

Ho Chi Minh City, 13 August 2025

INTERIM STATEMENT OF CASH FLOWS*The first 6 months of 2025
(Indirect method)*

Code	ITEM	Note	The first 6 months of 2025 VND	The first 6 months of 2024 VND
	I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	1. Profit before tax		2,362,651,312	16,305,906,948
	2. Adjustments for			
02	- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties		4,398,865,410	5,212,813,760
03	- Provisions		1,548,147,373	(523,263,568)
04	- Exchange gains / losses from retranslation of monetary items denominated in foreign currency		16,335,236	(157,348,473)
05	- Gains / losses from investment		(7,028,781,369)	(764,825,146)
06	- Interest expense		317,607,762	245,749,233
08	3. Operating profit before changes in working capital		1,614,825,724	20,319,032,754
09	- Increase or decrease in receivables		(3,376,645,979)	(9,568,499,550)
10	- Increase or decrease in inventories		(36,041,651,206)	27,757,323,344
11	- Increase or decrease in payables (excluding interest payable/ corporate income tax payable)		14,971,222,422	9,855,816,797
12	- Increase or decrease in prepaid expenses		(8,983,659,988)	865,959,830
14	- Interest paid		(283,718,185)	(536,851,122)
15	- Corporate income tax paid		(3,904,779,291)	(1,529,429,995)
17	- Other payments on operating activities		(626,138,084)	(524,000,000)
20	Net cash flows from operating activities		(36,630,544,587)	46,639,352,058
	II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	1. Purchase or construction of fixed assets and other long-term assets		(362,581,818)	(1,569,840,160)
23	2. Loans and purchase of debt instruments from other entities		(105,300,000,000)	(47,000,000,000)
24	3. Collection of loans and resale of debt instrument of other entities		85,000,000,000	25,000,000,000
27	4. Interest and dividend received		2,397,533,768	860,476,112
30	Net cash flows from investing activities		(18,265,048,050)	(22,709,364,048)
	III CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
33	1. Proceeds from borrowings		47,192,140,212	5,764,790,764
34	2. Repayment of principal		-	(33,923,865,678)
40	Net cash flows from financing activities		47,192,140,212	(28,159,074,914)

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

INTERIM STATEMENT OF CASH FLOWS

The first 6 months of 2025

(Indirect method)

Code	ITEM	Note	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
			VND	VND
50	Net cash flows in the period		(7,703,452,425)	(4,229,086,904)
60	Cash and cash equivalents at beginning of the period		16,906,377,798	11,160,504,865
70	Cash and cash equivalents at end of the period	3	<u>9,202,925,373</u>	<u>6,931,417,961</u>


Dao Thi Mo
Preparer


Dao Thi Mo
Chief Accountant


La Hoai Nam
General Director



Ho Chi Minh City, 13 August 2025

NOTES TO INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

The first 6 months of 2025

1 . GENERAL INFORMATION OF THE COMPANY

Form of ownership

My Chau Printing & Packaging Holdings Company is an enterprise equitized from My Chau Food Export Factory under Decision No. 207/1998/QD/BNN-TCCB dated 10 December 1998 of the Minister of Agriculture and Rural Development. The company operates under the Certificate of Business Registration of a joint stock company with enterprise code No. 0301671386, firstly registered on 5 March 1999 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City, registered for the 14th change on 16 January 2025.

The Company's head office is located at: 18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City.

Company's Charter capital: VND 180,810,530,000. Actual charter capital as at 30 June 2025 is VND 180,810,530,000; equivalent to 18,081,053 shares with the price of VND 10,000 per share.

The number of employees of the Company as at 30 June 2025 is 276 people (as at 01 January 2025: 264 people).

Business field

Printing and manufacturing of metal packaging.

Business activities

Main business activities of the Company include:

- Production and processing of all kinds of metal packaging;
- Rental services of yards, factories, warehouses under the Company's use;
- Printing and coating varnish on iron sheets;
- Wholesale of materials and chemicals using printing technology on iron sheets;
- Wholesale of iron sheets, aluminum sheets (in rolls and sheets);
- Export, import, export rights, import rights of machinery, equipment and spare parts used in the fields of printing and coating varnish on iron sheets;
- Trading in agricultural and forestry raw materials (except wood, bamboo, rattan) and live animals;
- Installation of industrial machinery and equipment.

2 . ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICY

2.1 . Accounting period and accounting currency

Annual accounting period commences from 01 January and ends as at 31 December.

The Company maintains its accounting records in VND.

2.2 . Standards and Applicable Accounting Policies

Applicable Accounting Policies

The Company applies Corporate Accounting System issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by the Ministry of Finance and the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 200/2014/TT-BTC.

Declaration of compliance with Accounting Standards and Accounting System

The Company applies Vietnamese Accounting Standards and supplementary documents issued by the State. Financial Statements are prepared and presented in accordance with regulations of each standard and supplementary document as well as with current Accounting Standards and Accounting System.

2.3 . Basis for preparation of Financial Statements

Financial Statements are presented based on historical cost principle.

2.4 . Basis for preparation of Chairman

The preparation of Interim Financial Statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and legal regulations relating to interim financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of liabilities, assets and disclosures of contingent liabilities and assets at the date of the interim financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the fiscal year.

The estimates and assumptions that have a material impact in the Interim Financial Statements include:

- Provision for doubtful debts;
- Provision for devaluation of inventory;
- Estimated useful life of fixed assets;
Time of prepayment allocation;
- Classification and provision of financial investments;
- Estimated income tax.

Such estimates and assumptions are continually evaluated. They are based on historical experience and other factors, including expectations of future events that may have a financial impact on the Company and that are assessed by the Board of Management to be reasonable under the circumstances.

2.5 . Financial Instruments

Initial recognition

Financial assets

Financial assets of the Company include cash, cash equivalents, trade receivables, other receivables, lending loans, long-term and short-term investments. At initial recognition, financial assets are identified by purchasing price/issuing cost plus other expenses directly related to the purchase and issuance of those assets.

Financial liabilities

Financial liabilities of the Company include borrowings, trade payables, other payables and accrued expenses. At initial recognition, financial liabilities are determined by issuing price plus other expenses directly related to the issuance of those liabilities.

Subsequent measurement after initial recognition

Financial assets and financial liabilities are not revalued according to fair value at the end of the year because the Circular No.210/2009/TT-BTC and prevailing statutory regulations require to present Financial statements and Notes to financial instruments but not provide any relevant instruction for assessment and recognition of fair value of financial assets and financial liabilities.

2.6 . Foreign currency transactions

Foreign currency transactions during the year are translated into Vietnam Dong using the actual rate at transaction date.

Actual exchange rate when revaluating monetary items denominated in foreign currencies at the reporting date of the Financial Statements is determined under the following principles:

- For asset accounts, applying the bid rate of the commercial bank where the Company regularly conducts transaction;
- For foreign currency deposited in bank, applying the bid rate of the bank where the Company opens its foreign currency accounts;
- For liability accounts, applying the offer rate of the commercial bank where the Company regularly conducts transaction.

All exchange differences arising from foreign currency transactions in the year and from revaluation of remaining foreign currency monetary items at the end of the year are recorded immediately to operating results of the accounting year.

2.7 . Cash and cash equivalents

Cash comprises demand deposits.

Cash equivalents are short-term investments with the maturity of not over than 3 months from the date of investment, that are highly liquid and readily convertible into known amount of cash and that are subject to an insignificant risk of conversion into cash.

2.8 . Financial investments

Investments held to maturity comprise term deposits held to maturity to earn profits periodically.

Equity Investments in other entities comprise investments in equity instruments of other entities without having control, joint control, or significant influence on the investee. These investments are initially stated at original cost. After initial recognition, these investments are measured at original cost less provision for devaluation of investments.

Provision for devaluation of investments is made at the end of the period as followings:

- With regard to long-term investments (other than trading securities) without significant influence on the investee: If the investment is made in listed shares or the fair value of the investment is determined reliably, the provisions shall be made on the basis of the market value of the shares; if the fair value of the investment is not determined at the reporting date, the provision shall be made based on the Financial Statements at the provision date of the investee;
- With regard to investments held to maturity: the provision for doubtful debts shall be made based on the recovery capacity in accordance with statutory regulations.

2.9 . Receivables

The receivables shall be recorded in details in terms of due date, entities receivable, types of currency and other factors according to requirements for management of the Company. The receivables shall be classified into short-term receivables or long-term receivables on the financial statements according to their remaining terms at the reporting date.

The provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue under an economic contract, a loan agreement, a contractual commitment or a promissory note and for receivables that are not due but difficult to be recovered. Accordingly, the provisions for overdue debts shall be based on the due date stipulated in the initial sale contract, exclusive of the debt rescheduling between contracting parties and the case where the debts are not due but the debtor is in bankruptcy, in dissolution, or missing and making fleeing or estimating the possible losses.

2.10 . Inventories

Inventories are initially recognized at original cost including purchase price, processing cost and other costs incurred in bringing the inventories to their location and condition at the time of initial recognition. After initial recognition, at the reporting date, inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

Net realizable value is estimated based on the selling price of the inventory minus the estimated costs for completing the products and the estimated costs needed for their consumption.

The cost of inventory is calculated using weighted average method.

Inventory is recorded by perpetual method.

Provision for devaluation of inventories made at the end of the period is based on the excess of original cost of inventory over their net realizable value.

2.11 . Fixed assets

Tangible fixed assets are initially stated at the historical cost. During the using time, tangible fixed assets are recorded at cost, accumulated depreciation and carrying amount.

Subsequent measurement after initial recognition

If these costs augment future economic benefits obtained from the use of tangible fixed assets are extended to their initial standards conditions, these costs are capitalized as an incremental in their historical cost.

Other costs incurred after tangible fixed assets have been put into operation such as repair, maintenance and overhaul costs are recognized in the Statement of Income in the period in which the costs are incurred.

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

Fixed assets are amortised using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

- Buildings, structures	05 - 10 years
- Machine, equipment	05 - 10 years
- Vehicles, Transportation equipment	06 - 10 years
- Office equipment and furniture	03 - 05 years
- Other fixed assets	03 - 05 years

2.12 . Operating lease

Operating leases is fixed asset leasing in which a significant portion of the risks and rewards of ownership are retained by the lessor. Payments made under operating leases are charged to income statement on a straight-line basis over the period of the lease.

2.13 . Prepaid expenses

The expenses incurred but related to operating results of several accounting periods are recorded as prepaid expenses and are allocated to the operating results in the following accounting periods.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses to operating expenses in each accounting period should be based on the nature of those expenses to select a reasonable allocation method and criteria.

Types of prepaid expenses include:

Tools and supplies include assets which are possessed by the Company in an ordinary course of business, with historical cost of each asset less than 30 million dongs and therefore not eligible for recording as fixed asset under current legal regulations. The historical cost of tools and supplies are allocated on the straight-line basis from 02 to 36 months.

Other prepaid expenses are recorded at their historical costs and allocated on the straight-line basis from 02 to 36 months.

2.14 . Payables

The payables shall be recorded in details in terms of due date, entities payable, types of currency and other factors according to the requirements for management of the Company. The payables shall be classified into short-term payables or long-term payables on the financial statements according to their remaining terms at the reporting date.

2.15 . Borrowings

Borrowings shall be recorded in details in terms of lending entities, loan agreement and terms of borrowings.

2.16 . Borrowing costs

Borrowing costs are recognized into operating costs during the period, except for which directly attributable to construction or production of unfinished asset included (capitalized) in the cost of that asset, when gather sufficient conditions as regulated in VAS No. 16 "Borrowing costs". Beside, regarding loans serving the construction of fixed assets, investment properties, and the interests shall be capitalized even if the construction duration is under 12 months.

2.17 . Accrued expenses

Accrued expenses include payables to goods or services received from the suppliers or provided for the customers during the reporting period, but the payments for such goods or services have not been made and other payables such as interest expenses, sales commission accrual, 13th month salary cost, etc. which are recorded as operating expenses of the reporting year.

The recording of accrued expenses as operating expenses during the period shall be carried out under the matching principle between revenues and expenses during the period. Accrued expenses are settled with actual expenses incurred. The difference between accrued and actual expenses is reverted.

2.18 . Owner's equity

Owner's equity is stated at actually contributed capital of owners.

Share premium is recorded at the difference between the par value with costs directly attributable to the issuance of shares and issue price of shares (including the case of re-issuing treasury shares) and can be a positive premium (if the issue price is higher than par value and costs directly attributable to the issuance of shares) or negative premium (if the issue price is lower than par value and costs directly attributable to the issuance of shares).

Treasury shares bought before the effective date of the Securities Law 2019 (January 1, 2021) are shares issued by the Company and bought-back by itself, but these are not cancelled and may be re-issued subsequently in accordance with the Law on Securities. Treasury shares bought after January 1, 2021 will be cancelled and adjusted to reduce equity.

Retained earnings are used to present the Company's operating results (profit, loss) after corporate income tax and profits appropriation or loss handling of the Company.

2.19 . Revenues

Revenue is recognized to extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and the revenue can be reliably measures regardless of when payment is being made. Revenue is measured at the fair value of the consideration received, excluding discounts, rebates, and sales returns. The following specific recognition conditions must also be met when recognizing revenue:

Revenue from sale of goods

- The majority of risks and benefits associated with the right to own the products or goods have been transferred to the buyer;
- The company no longer holds the right to manage the goods as the goods owner, or the right to control the goods.

Revenue from rendering of services:

- The percentage of completion of the transaction at the Balance sheet date can be measured reliably.

Financial income

Revenue arising from the used by the others of entity assets yielding interest, royalties and dividends shall be recognised when:

- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the entity;
- The amount of the revenue can be measured reliably.

2.20 . Revenue deductions

Revenue deductions from sales and service provisions arising in the period include: Trade discounts, sales allowances and sales return.

Trade discounts, sales allowances and sales returns incurred in the same period of consumption of products, goods and services are adjusted a decrease in revenue in the incurring period. In case products, goods and services are sold from the previous period, until the next period are incurred deductible items, Company records a decrease in revenue under the principles: If incurred prior to the issuance of Financial Statements then record a decrease in revenue on the Financial Statements of the reporting period (the previous period); and if incurred after the release of Financial Statements then record a decrease in revenue of incurring period (the next period).

2.21 . Cost of goods sold

Cost of goods sold and services rendered are cost of finished goods, merchandises, materials sold or services rendered during the period, and recorded on the basis of matching with revenue and on a prudence basis. Cases of loss of materials and goods exceeded the norm, labour cost and fixed manufacturing overheads not allocated to the value of inventory, provision for devaluation of inventory, abnormal expenses and losses of inventories after deducting the responsibility of collective and individuals concerned, etc. is recognized fully and promptly into cost of goods sold in the period even when products and goods have not been determined as sold.

2.22 . Financial expenses

Items recorded into financial expenses comprise:

- Borrowing costs;
- Provision for diminution in value of trading securities price; provision for losses from investment in other entities, losses from sale of foreign currency, exchange loss, etc.

The above items are recorded by the total amount arising in the year without offsetting against financial income

2.23 . Corporate income tax**a) Current corporate income tax expenses**

Current corporate income tax expenses are determined based on taxable income during the period and current corporate income tax rate.

b) Current corporate income tax rate

The Company is subject to corporate income tax of 20% for the operating activities which has taxable income for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025.

2.24 . Earnings per share

Basic earnings per share are calculated by dividing net profit or loss after tax for the year attributable to ordinary shareholders of the Company (after adjusting for the bonus and welfare fund and allowance for Board of Management) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

2.25 . Related Parties

The parties are regarded as related parties if that party has the ability to control or significantly influence the other party in making decisions about the financial policies and activities. The Company's related parties include:

- Companies, directly or indirectly through one or more intermediaries, having control over the Company or being under the control of the Company, or being under common control with the Company, including the Company's parent, subsidiaries and associates;
- Individuals, directly or indirectly, holding voting power of the Company that have a significant influence on the Company, key management personnel including directors and employees of the Company, the close family members of these individuals;
- Enterprises that the above-mentioned individuals directly or indirectly hold an important part of the voting power or have significant influence on these enterprises.

In considering the relationship of related parties to serve for the preparation and presentation of Interim Financial statements, the Company should consider the nature of the relationship rather than the legal form of the relationship.

2.26 . Segment information

The Company's main business activities are manufacturing and processing metal packaging and mainly take place in Vietnam, so the Company does not prepare segment reports by business segment and geographical segment.

3 . CASH AND CASH EQUIVALENTS

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Demand deposits	9,202,925,373	15,906,377,798
Cash equivalents	-	1,000,000,000
	<u><u>9,202,925,373</u></u>	<u><u>16,906,377,798</u></u>

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

4 . FINANCIAL INVESTMENTS**b) Held to maturity investments**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
- Term deposits	105,300,000,000	-	85,000,000,000	-
	<u>105,300,000,000</u>	<u>-</u>	<u>85,000,000,000</u>	<u>-</u>

As at 30 June 2025, the held-to-maturity investments are deposit contracts at Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch with a term of 6 months with interest rates from 5.6%/year to 5.8%/year.

b) Investments in equity of other entities

	30/06/2025			01/01/2025		
	Original cost	Fair value	Provision	Original cost	Fair value	Provision
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vegetable and Fruit Port Joint Stock Company (VGP) (*)	1,972,000,000	2,026,646,400	-	1,972,000,000	2,133,312,000	-
	<u>1,972,000,000</u>	<u>2,026,646,400</u>	<u>-</u>	<u>1,972,000,000</u>	<u>2,133,312,000</u>	<u>-</u>

(*) The fair value of this financial investments is determined based on the closing price at the date of preparation of the Financial Statements on HNX as of 31 December 2024 and 30 June 2025.

Information on capital contributions to other units

Company	Place of establishment and operation	Rate of Benefit	Voting Rate	Main Business Activities
- Vegetable and Fruit Port Joint Stock	Ho Chi Minh City	0.81%	0.81%	Place of establishment and operation

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

5 . SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	30/06/2025		01/01/2025	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
- Blue Sea Canned Food Joint Stock	11,185,722,434	(5,125,165,311)	11,185,722,434	(3,834,252,805)
- KG Trading Joint Stock Company	7,075,744,962	-	6,779,128,094	-
- TP Canned Food Joint Stock Company	9,911,485,287	-	6,164,679,290	-
Others	33,782,949,729	(1,932,541,648)	41,367,278,907	(1,675,306,781)
	61,955,902,412	(7,057,706,959)	65,496,808,725	(5,509,559,586)

6 . SHORT-TERM PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

	30/06/2025		01/01/2025	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
BAOSTEEL SINGAPORE PTE. LTD	7,443,018,705	-	160,110,720	-
JIANGSU YOUFU SHEET TECHNOLOGY CO., LTD.	-	-	2,487,154,525	-
Others	1,894,921,680	-	1,285,780,746	-
	9,337,940,385	-	3,933,045,991	-

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

7 . LOAN RECEIVABLES

	01/01/2025		During the year		30/06/2025	
	Value	Provision	Increase	Decrease	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Others</i>	-	-	-	-	-	-
- Quynh Luong Urban Development and Investment Joint Stock Company	64,940,000,000	-	3,238,104,109	-	68,178,104,109	-
	64,940,000,000	-	3,238,104,109	-	68,178,104,109	-

Details regarding short term loans:

Loan Agreement No. 1812/HDVV/MCP-QL dated December 18, 2024 and Loan Agreement No. 2412/HDVV/MCP-QL dated December 24, 2024 between My Chau Printing and Packaging Joint Stock Company and Quynh Luong Urban Investment and Development Joint Stock Company, with the following detailed terms:

- Total loan amount: VND 68,178,104,109;
- Loan purpose: For business needs;
- Contract term :06 months from the date of signing the contract;
- Loan interest rate: 10%/year
- Principal balance at the end of the year: VND 68,178,104,109;
- Loan security forms: Credit.

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

8 . OTHER RECEIVABLES

	30/06/2025		01/01/2025	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
a) Short-term				
Receivables from interest of deposit, loan	1,393,143,492	-	-	-
Receivables from social insurance	-	-	9,332,266	-
Receivables from health insurance	-	-	9,268,433	-
Advances	33,497,240	-	15,536,455	-
Others	974,818,491	-	609,154,823	-
	<u>2,401,459,223</u>	<u>-</u>	<u>643,291,977</u>	<u>-</u>
b) Long-term				
Deposits	5,250,000	-	5,250,000	-
	<u>5,250,000</u>	<u>-</u>	<u>5,250,000</u>	<u>-</u>

9 . DOUBTFUL DEBTS

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND
- An Co Family Food Joint Stock Company	278,296,120	83,488,836	418,296,120	153,488,836
- Blue Sea Canned Food Joint Stock Company	11,185,722,434	6,060,557,123	9,276,177,962	5,441,925,157
- Others	3,965,082,519	2,227,348,156	3,697,055,034	2,286,555,537
	<u>15,429,101,073</u>	<u>8,371,394,114</u>	<u>13,391,529,116</u>	<u>7,881,969,530</u>

10 . INVENTORIES

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Goods in transit	14,514,888,493	-	-	-
Raw material	60,954,760,434	-	44,224,244,175	-
Tools, supplies	2,417,839,194	-	2,059,006,091	-
Finished goods	19,791,628,231	-	15,354,214,880	-
	<u>97,679,116,352</u>	<u>-</u>	<u>61,637,465,146</u>	<u>-</u>

In which:

- The value of inventories that is unsold, damaged, sub-standard and non-consumable degraded at the end of the year: VND 97,679,116,352.

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

11 . TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings, structures	Machinery, equipment	Transportation equipment	Management equipment	Others	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Historical cost						
Beginning balance	10,667,980,186	343,245,742,078	7,435,141,700	863,213,045	647,431,743	362,859,508,752
- Purchase in the period	-	250,000,000	-	112,581,818	-	362,581,818
Ending balance of the period	10,667,980,186	343,495,742,078	7,435,141,700	975,794,863	647,431,743	363,222,090,570
Accumulated depreciation						
Beginning balance	10,156,242,810	328,568,519,907	5,954,221,469	812,232,001	320,869,238	345,812,085,425
- Depreciation for the period	53,843,178	4,151,864,728	151,776,036	17,631,470	23,749,998	4,398,865,410
Ending balance of the period	10,210,085,988	332,720,384,635	6,105,997,505	829,863,471	344,619,236	350,210,950,835
Net carrying amount						
Beginning balance	511,737,376	14,677,222,171	1,480,920,231	50,981,044	326,562,505	17,047,423,327
Ending balance	457,894,198	10,775,357,443	1,329,144,195	145,931,392	302,812,507	13,011,139,735

In which:

- Cost of fully depreciated tangible fixed assets but still in use at the end of the period: VND 337,910,188,722

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

12 . PREPAID EXPENSES

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Short-term		
Land rental costs	7,885,429,410	-
Dispatched tools and supplies	469,718,293	626,720,715
Insurance costs	312,026,566	307,276,812
Others	1,297,983,405	176,061,496
	9,965,157,674	1,110,059,023
b) Long-term		
Dispatched tools and supplies	4,442,466,261	3,767,788,408
Major factory repair costs	133,154,166	666,094,558
Others	4,670,000	17,846,124
	4,580,290,427	4,451,729,090

13 . SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	30/06/2025		01/01/2025	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND
Easy Open Lid Industry Corp Yiwu	7,831,957,850	7,831,957,850	-	-
HENKEL SINGAPORE PTE. LTD	369,776,520	369,776,520	3,786,106,298	3,786,106,298
CANCOAT (VIETNAM) COMPANY LIMITED	1,633,775,000	1,633,775,000	1,794,146,086	1,794,146,086
GCM Packaging (Vietnam) Co., Ltd.	431,635,032	431,635,032	2,269,609,346	2,269,609,346
AUSTIN MULTI- TRADE	4,832,944,440	4,832,944,440	-	-
Others	6,864,270,636	6,864,270,636	8,175,502,360	8,175,502,360
	21,964,359,478	21,964,359,478	16,025,364,090	16,025,364,090

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

14 . TAX AND OTHER PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	Receivable at the opening year	Payable at the opening year	Payable arise in the period	Amount paid in the period	Receivable at the closing period	Payable at the closing period
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Value added tax	-	1,631,315,153	14,943,544,282	14,323,926,748	-	2,250,932,687
Export, import duties	-	-	381,093,628	1,050,013,876	668,920,248	-
Corporate income tax	-	3,904,779,291	554,190,262	3,904,779,291	-	554,190,262
Personal income tax	58,609,467	200,944,145	649,375,449	803,606,515	31,351,364	19,454,976
Land tax and land rental	-	-	15,770,858,820	7,838,633,250	-	7,932,225,570
Fees and other obligations	3,000,000	-	3,000,000	-	-	-
	61,609,467	5,737,038,589	32,302,062,441	27,920,959,680	700,271,612	10,756,803,495

The Company's tax settlements are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations on many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

15 . ACCRUED EXPENSES

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Accrued interest expenses	33,889,577	-
- Accrued salaries for annual leave	875,490,485	733,439,958
- Accrued 13th month salary advance	2,571,254,880	-
- Other accrued expenses	255,229,746	-
	3,735,864,688	733,439,958

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

16 . OTHER SHORT-TERM PAYMENTS

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Surplus assets pending settlement	767,772,945	726,560,350
- Union funds	630,647,378	512,152,684
- Social insurance	485,021,389	-
- Health insurance	76,230,321	-
- Unemployment insurance	38,961,078	167,706
- Receiving short-term deposits and pledges	6,667,459,395	7,448,293,795
- Others	746,245,255	464,965,826
	9,412,337,761	9,152,140,361

17 . BORROWINGS

	01/01/2025		During the year		30/06/2025	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Increase	Decrease	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Investment and Development of Vietnam - Ho Chi Minh City Branch	-	-	47,192,140,212	-	47,192,140,212	47,192,140,212
	-	-	47,192,140,212	-	47,192,140,212	47,192,140,212

Details related to payday loans:

Credit limit contract No. 02/2024/94178/HDTD dated 19/09/2024 between the Company and Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ho Chi Minh City Branch with the following detailed terms:

- + Loan limit: VND 150,000,000,000;
- + Loan purpose: Supplement working capital, issue guarantees, open L/C for production and business activities;
- + Term of the contract: 12 months from the date of signing the contract but not later than 31/08/2025
- + Loan interest rate: determined on each debt receipt;
- + Principal balance at the end of the period: VND 47,192,140,212;
- + Form of loan guarantee: All inventory and receivables formed from BIDV loans, secured by mortgage and guarantee contracts with the capital lender and have been fully registered as secured transactions.

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

18 . OWNER'S EQUITY
a) Changes in owner's equity

	Contributed capital	Share premium	Treasury shares	Investment and development funds	Retained earnings	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Beginning balance of previous period	150,713,370,000	15,557,011,449	(317,124,000)	64,948,203,442	17,441,963,130	248,343,424,021
Profit for previous period	-	-	-	-	13,013,827,053	13,013,827,053
Profit distribution	-	15,071,337,000	-	626,429,817	(17,441,963,130)	(1,744,196,313)
Ending balance of previous period	<u>150,713,370,000</u>	<u>30,628,348,449</u>	<u>(317,124,000)</u>	<u>65,574,633,259</u>	<u>13,013,827,053</u>	<u>259,613,054,761</u>
Beginning balance of current period	150,713,370,000	30,628,348,449	(317,124,000)	65,574,633,259	13,013,827,053	259,613,054,761
Profit for current period	-	-	-	-	1,808,461,050	1,808,461,050
Profit distribution	-	-	-	1,505,702,468	(4,517,107,404)	(3,011,404,936)
Ending balance of this period	<u>150,713,370,000</u>	<u>30,628,348,449</u>	<u>(317,124,000)</u>	<u>67,080,335,727</u>	<u>10,305,180,699</u>	<u>258,410,110,875</u>

(*) According to Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 147/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated 25 April 2025, the Company has distributed profits for 2024 as follows:

	Proportion	Amount
	%	VND
Net Profit after tax 2024	100.00	30,136,806,356
Development and investment fund (done)	5.00	1,505,702,468
Bonus and welfare fund (done)	9.99	3,011,404,936
Cash dividend payment (4% of charter capital) (**)	24.00	7,232,421,200
Stock dividend payment (10% of charter capital) (**)	60.00	18,081,053,000
Undistributed profits	1.02	306,224,752

(**) details in Note 30

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

b) Details of owner's invested capital

	Rate	30/06/2025	Rate	01/01/2025
	(%)	VND	(%)	VND
Asia Pearl Joint Stock Company	4.58	8,280,000,000	4.58	8,280,000,000
Mr. Tran Quang Huy	24.59	44,453,352,000	24.59	44,453,352,000
Mrs. Phan Do Hanh	13.99	25,296,000,000	13.99	25,296,000,000
Viet Leader Asset Investment Company Limited	20.24	36,600,000,000	20.24	36,600,000,000
Others	36.50	65,993,958,000	36.50	65,993,958,000
Treasury shares	0.10	187,220,000	0.10	187,220,000
	100	180,810,530,000	100	180,810,530,000

c) Capital transactions with owners and distribution of dividends and profits

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Owner's contributed capital	180,810,530,000	150,713,370,000
- At the beginning of period	180,810,530,000	150,713,370,000
- At the ending of period	180,810,530,000	150,713,370,000

d) Share

	30/06/2025	01/01/2025
Quantity of Authorized issuing shares	18,081,053	18,081,053
Quantity of issued shares and full capital contribution	18,081,053	18,081,053
- Common shares	18,081,053	18,081,053
Quantity of shares repurchased (Treasury shares)	18,722	18,722
- Common shares	18,722	18,722
Quantity of outstanding shares in circulation	18,062,331	18,062,331
- Common shares	18,062,331	18,062,331
Par value per shares (VND)	10,000	10,000

e) Company's funds

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Investment and development fund	67,080,335,727	65,574,633,259
	67,080,335,727	65,574,633,259

19 . OFF STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEMS AND OPERATING LEASE COMMITMENT**a) Operating leased assets**

The Company leases land at 18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City for production and business purposes. The leased land area is 33,410 m2. Accordingly, the Company must pay annual land rent according to the land rent notice of the tax authority.

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City**Interim Financial Statements**

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

b) Foreign currencies

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
- USD	213.91	4,868.80

c) Doubtful debts written-off

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Kien Giang Food Processing Import Export Joint Stock Company	233,874,352	233,874,352
Sammiguel Yamamura Packaging Co., Ltd	330,870,543	330,870,543
Others	82,355,452	82,355,452

20 . TOTAL REVENUE FROM SALES OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES

	<u>The first 6 months of 2025</u>	<u>The first 6 months of 2024</u>
	VND	VND
Revenue from finished goods	150,285,127,818	205,490,816,046
Revenue from sale of goods	21,306,054,839	11,158,213,825
Revenue from rendering of services	9,793,778,997	14,449,302,705
Other	8,732,790,147	12,185,619,235
	<u><u>190,117,751,801</u></u>	<u><u>243,283,951,811</u></u>

21 . COSTS OF GOODS SOLD

	<u>The first 6 months of 2025</u>	<u>The first 6 months of 2024</u>
	VND	VND
Costs of finished goods sold	134,717,547,101	174,521,666,588
Costs of goods sold	18,309,963,167	9,480,526,261
Costs of services rendered	12,088,774,263	16,185,010,773
Others	8,550,649,427	12,029,082,080
	<u><u>173,666,933,958</u></u>	<u><u>212,216,285,702</u></u>

22 . FINANCIAL INCOME

	<u>The first 6 months of 2025</u>	<u>The first 6 months of 2024</u>
	VND	VND
Interest income, interest from loans	7,028,781,369	764,825,146
Realized gain from foreign exchange difference	56,789,771	120,786,133
Unrealized gain from foreign exchange difference	-	157,348,473
	<u><u>7,085,571,140</u></u>	<u><u>1,042,959,752</u></u>

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

23 . FINANCIAL EXPENSES

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Interest expenses	317,607,762	245,749,233
Realized loss from foreign exchange difference	744,202,250	489,068,379
Unrealized loss from foreign exchange difference	16,335,236	-
	1,078,145,248	734,817,612

24 . SELLING EXPENSES

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Raw materials	1,532,167,298	2,048,686,275
Labor	1,431,924,541	1,666,070,124
Depreciation and amortisation	62,945,118	62,945,118
Expenses from external services	1,327,043,027	1,513,313,931
Other expenses by cash	1,817,591,755	2,499,629,098
	6,171,671,739	7,790,644,546

25 . GENERAL ADMINISTRATIVE EXPENSES

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Raw materials	504,696,455	322,217,930
Labour expenses	6,615,425,843	4,495,917,707
Depreciation expenses	179,638,256	177,647,155
Tax, Charge, Fee	1,617,522,816	1,062,559,402
Provision expenses	1,548,147,373	(523,263,568)
Expenses of outsourcing services	2,678,585,550	1,623,983,540
Other expenses in cash	499,536,222	165,318,676
	13,643,552,515	7,324,380,842

26 . CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSES

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Total profit before tax	2,362,651,312	16,305,906,948
Increase	408,300,000	275,278,661
- <i>Ineligible expenses</i>	408,300,000	275,278,661
Decrease	-	(120,786,133)
- <i>Profit from foreign currency revaluation at period end</i>	-	(120,786,133)
Taxable income	2,770,951,312	16,460,399,476
Current corporate income tax expense (Tax rate 20%)	554,190,262	3,292,079,895
Tax payable at the beginning of period	3,904,779,291	1,529,429,995
Tax paid in the period	(3,904,779,291)	(1,529,429,995)
Closing period income tax payable of main business activities	554,190,262	3,292,079,895

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

27 . BASIC EARNINGS PER SHARE

Basic earnings per share distributed to common shareholders of the company are calculated as follows:

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Net profit after tax	1,808,461,050	13,013,827,053
Profit distributed for common stocks	1,808,461,050	13,013,827,053
Average number of outstanding common shares in circulation in the period	18,062,331	18,062,331
Basic earnings per share	100	720

The company has not planned to make any distribution to Bonus and welfare fund, bonus for the Board of Directors from the net profit after tax at the date of preparing the Interim Financial Statements.

As at 30 June 2025, the Company does not have shares with dilutive potential for earnings per share.

28 . BUSINESS AND PRODUCTIONS COST BY ITEMS

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Raw materials	122,249,977,252	159,540,374,616
Labour expenses	29,693,488,385	29,555,350,203
Depreciation and amortisation	4,398,865,410	5,212,813,760
Expenses from external services	17,787,080,288	18,892,503,285
Other expenses by cash	3,932,049,688	3,727,507,176
	178,061,461,023	216,928,549,040

29 . FINANCIAL INSTRUMENTS**Financial risk management**

The Company's financial risks including market risk, credit risk and liquidity risk.

The Company has developed its control system to ensure the reasonable balance between cost of incurred risks and cost of risk management. The Board of Management of the Company is responsible for monitoring the risk management process to ensure the appropriate balance between risk and risk control.

Market risk

The Company's business operations will bear the risks of changes on prices, exchange rates and interest rates.

Price Risk

The Company bears price risk of equity instruments from short-term and long-term investments in securities due to the uncertainty of future prices of the securities. As regards, long-term securities held for long-term strategies, at the end of the period, the Company has no plan to sell these investments.

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

	Up to 1 year VND	In 1 to 5 years VND	In more than 5 years VND	Total VND
As at 30/06/2025				
Long term investments	-	2,026,646,400	-	2,026,646,400
	<u>-</u>	<u>2,026,646,400</u>	<u>-</u>	<u>2,026,646,400</u>
As at 01/01/2025				
Long term investments	-	2,133,312,000	-	2,133,312,000
	<u>-</u>	<u>2,133,312,000</u>	<u>-</u>	<u>2,133,312,000</u>

Exchange rate risk

The Company bears exchange rate risk when transactions are made in currencies other than Vietnam Dong such as: loans, revenues, expenses, imports of supplies, goods, machinery and equipment, ...

Interest rate risk

The Company bears the risk of interest rates due to the fluctuation in fair value of future cash flow of a financial instrument in line with changes in market interest rates if the Company has time or demand deposits, borrowings and debts subject to floating interest rates. The Company manages interest rate risk by analyzing the market competition situation to obtain interest beneficial for its operation purpose.

Credit Risk

Credit risk is the risk of financial loss to the Company if a counterparty fails to perform its contractual obligations. The Company has credit risk from operating activities (mainly to trade receivables) and financial activities (including deposits, loans and other financial instruments), detailed as follows:

	Under 1 year VND	From 1 to 5 VND	From more VND	Total VND
As at 30/06/2025				
Cash and cash equivalents	9,202,925,373	-	-	9,202,925,373
Trade receivables, other receivables	57,299,654,676	5,250,000	-	57,304,904,676
Loans	173,478,104,109	-	-	173,478,104,109
	<u>239,980,684,158</u>	<u>5,250,000</u>	<u>-</u>	<u>239,985,934,158</u>
As at 01/01/2025				
Cash and cash equivalents	16,906,377,798	-	-	16,906,377,798
Trade receivables, other receivables	60,630,541,116	5,250,000	-	60,635,791,116
Loans	149,940,000,000	-	-	149,940,000,000
	<u>227,476,918,914</u>	<u>5,250,000</u>	<u>-</u>	<u>227,482,168,914</u>

Liquidity Risk

Liquidity risk is the risk that the Company has trouble in settlement of its financial obligations due to the lack of funds. Liquidity risk of the Company is mainly from different maturity of its financial assets and liabilities.

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Interim Financial Statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

Due date for payment of financial liabilities based on expected payment under the contracts (based on cash flow of the original debts) as follows:

	Under 1 year	From 1 to 5 year	From more	Total
	VND	VND	VND	VND
As at 30/06/2025				
Borrowings and debts	47,192,140,212	-	-	47,192,140,212
Trade payables, other payables	31,376,697,239	-	-	31,376,697,239
Accrued expenses	3,735,864,688	-	-	3,735,864,688
	<u>82,304,702,139</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>82,304,702,139</u>
As at 01/01/2025				
Trade payables, other payables	25,177,504,451	-	-	25,177,504,451
Accrued expenses	733,439,958	-	-	733,439,958
	<u>25,910,944,409</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>25,910,944,409</u>

The Company believes that risk level of loan repayment is low. The Company has the ability to pay due debts from cash flows from its operating activities and cash received from mature financial assets.

30 . EVENTS AFTER BALANCE SHEET DATE

1) According to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 147/2025/NQ-DHDCD dated 25/04/2025 and the Resolution of the Board of Directors No. 26/2025/NQ-HDQT dated 18/7/2025, the Company issues shares to pay dividends. Specifically, as follows

- Source of capital for implementation: From the Company's undistributed profit based on the 2024 audited financial statements and ensuring compliance with the provisions of law;
- Last registration date for book allocation: 31/07/2025;
- Total issue value at par value: 18,062,330,000 VND; Par value 10,000 VND/share;
- Number of issued shares: 1,806,233 shares;
- Right exercise ratio: 100:10. Accordingly, based on the last registration date for the allocation of rights, existing shareholders owning 01 corresponding share will be entitled to 01 right to receive shares, for every 100 rights, they will receive 10 newly issued shares to pay dividends.
- Issuer: Existing shareholders according to the list of shareholders on the last registration date exercising the right to receive issued shares to pay dividends in 2024. Treasury shares are not allowed to exercise rights.

2) According to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 147/2025/NQ-DHDCD dated 25/04/2025 and the Resolution of the Board of Directors No. 26/2025/NQ-HDQT dated 18/7/2025, the Company will pay the 2024 dividend in cash. Specifically, as follows:

- Last registration date: 31/07/2025;
- Implementation rate: 4%/share (01 share receives 400 VND);
- Payment date: 20/10/2025.

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City**Interim Financial Statements**

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

31 . TRANSACTION AND BALANCES WITH RELATED PARTIES

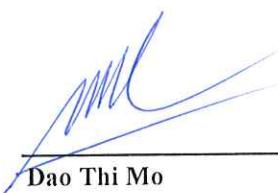
Transactions with other related parties:

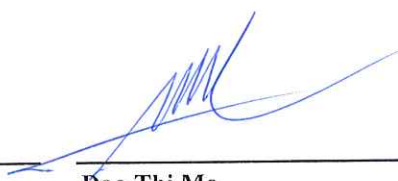
	Relationship	The first 6 months of 2025 VND	The first 6 months of 2024 VND
Income of the key managers		1,681,290,416	459,224,263
Mr. Vu Trong Tuan	Chairman of the Board of Directors (Appointed on 25 November 2024)	557,751,538	-
Mrs. Pham Thi Thuy Phuong	Chairman of the Board of Directors (Resigned on 28 June 2024)	-	30,000,000
Mrs. Phan Do Hanh	Member of the Board of Directors	52,500,000	20,000,000
Mrs. Nguyen Mai Thanh	Member of the Board of Directors (Appointed on 25 April 2025)	21,923,077	-
Mrs. Trieu Thi Ngoc Quynh	Member of the Board of Directors (Resigned on 28 June 2024)	-	20,000,000
Mrs. Duong Thi Thanh Tam	Member of the Board of Directors (Appointed on 25 April 2025)	30,576,923	-
Mr. La Hoai Nam	Member of the Board of Directors (Appointed on 25 November 2025)	1,018,538,878	-
Mrs. Truong Nu Thi Do Quynh	General Director (Resigned on 23 August 2024)	-	389,224,263
Income of the Board of Supervisors		198,007,913	32,500,000

In addition to the above related parties transactions, other related parties did not have any transactions during the year and have no balance at the end of the accounting period with the Company.

32 . COMPARATIVE FIGURES

The comparative figures on the Interim Statement of Financial Position and corresponding Notes are taken from the Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2024, which was audited by AASC Auditing Firm Company Limited . The comparative figures on the Interim Statement of income, Interim Statement of Cash flows and corresponding Notes are taken from the Interim Financial Statements which have been reviewed for the period from 01/01/2024 to 30/06/2024.


Dao Thi Mo
 Preparer


Dao Thi Mo
 Chief Accountant


La Hoai Nam
 General Director


Ho Chi Minh City, 13 August 2025